

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-12-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Ngọc Toàn.
- Bà Nông Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã H huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C và anh Hà Văn N được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2003; đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B ngày 21 tháng 6 năm 2011. Quá trình chung sống với nhau ban đầu rất hạnh phúc. Sau đó, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng bế tắc từ đầu năm 2015. Do anh Hà Văn N thường xuyên rượu chè, không tu chí làm ăn. Từ ngày 17/5/2022 do không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên đã chuyển về nhà bố mẹ ruột tại thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vì mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, chị Hoàng Thị C đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Văn N

Về con chung: Có hai người con chung là Hà Thị N, sinh ngày 12/4/2011, Hà Thị N1, sinh ngày 07/12/2012. Khi ly hôn, chị Hoàng Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hà Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn anh Hà Văn N; Tòa án đã tiến hành lấy lời khai tại nơi cư trú cho biết đã nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án; anh Hà Văn N không có thắc mắc, khiếu nại gì trong quá trình giải quyết của Tòa án và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Về nội dung vụ án anh Hà Văn N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị C tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, sau đó được tổ chức cưới và đăng ký kết hôn như chị Hoàng Thị C trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị Hoàng Thị C yêu cầu ly hôn nên anh Hà Văn N đồng ý.

Về con chung: Có hai người con chung là Hà Thị N, sinh ngày 12/4/2011, Hà Thị N1, sinh ngày 07/12/2012. Khi ly hôn, anh Hà Văn N đồng ý cho chị Hoàng Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hà Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Hà Văn N không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Hoàng Thị C đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Còn bị đơn anh Hà Văn N vắng mặt tại Tòa án có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Hoàng Thị C. Về con chung: Giao hai người con chung là Hà Thị N, sinh ngày 12/4/2011, Hà Thị N1, sinh ngày 07/12/2012 cho chị Hoàng Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hà Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn Chị Hoàng Thị C được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Chị Hoàng Thị C khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Văn N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Hà Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Văn N là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Hoàng Thị C và anh Hà Văn N là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị C và anh Hà Văn N là hợp pháp. Nguyên đơn chị Hoàng Thị C trình bày quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không còn tình cảm. Chị Hoàng Thị C đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn P, xã H, huyện B và đã sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị C và

anh Hà Văn N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Hà Văn N cũng đồng ý ly hôn; tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt anh Hà Văn N. Vì vậy, chị Hoàng Thị C yêu cầu ly hôn với anh Hà Văn N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có hai người con chung là Hà Thị N, sinh ngày 12/4/2011 và Hà Thị N1, sinh ngày 07/12/2012. Khi ly hôn, chị Hoàng Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cũng là nguyện vọng của các con và ý kiến của anh Hà Văn N đồng ý cho các con ở với chị Hoàng Thị C. Anh Hà Văn N không nghề nghiệp, không có thu nhập nên anh Hà Văn N có yêu cầu không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở; chị Hoàng Thị C cũng không yêu cầu anh Hà Văn N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Hoàng Thị C và anh Hà Văn N trình bày là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị C là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, chị Hoàng Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hoàng Thị C được trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005576 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Hà Văn N.

2. Về con chung: Giao hai người con chung là Hà Thị N, sinh ngày 12/4/2011 và Hà Thị N1, sinh ngày 07/12/2012 cho chị Hoàng Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hà Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hoàng Thị C được trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005576 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Hoàng Thị C có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hà Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã H, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Thị Hiệt